

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
Số: /SGTVT-KCHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Trị, ngày tháng 7 năm 2022

HƯỚNG DẪN
Thực hiện tiêu chí số 02 - Giao thông xã nông thôn mới và
xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 1738/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới; số 1739/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện văn bản số 102/VPĐP-NTM ngày 06/7/2022 của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 02 - Giao thông, cụ thể như sau:

I. Đối với tiêu chí xã nông thôn mới:

1. Chỉ tiêu quy định:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng	
		Các xã ĐBK, xã an toàn khu thuộc huyện Đakrông	Các xã còn lại
Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%	100%
	2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥80%	100%
	2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	≥80%	100%
	2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	≥60%	≥80%

2. Giải thích từ ngữ:

- Cứng hóa là trục đường được rải nhựa, bê tông, lát gạch hoặc rải cấp phối và lu lèn bằng đá dăm, đá thải, gạch vỡ, gạch xi;
- Đường xã là đường nối trung tâm hành chính xã đến trung tâm các thôn;
- Đường thôn, bản là đường nối trung tâm thôn, bản đến các cụm dân cư trong thôn, bản;
- Đường ngõ, xóm là đường nối giữa các hộ gia đình trong các cụm dân cư;
- Đường trục chính nội đồng là đường chính nối từ khu dân cư đến khu sản xuất tập trung của thôn, xã.

3. Phương pháp đánh giá:

Lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thực hiện theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ GTVT. Cụ thể:

Nội dung tiêu chí/ chỉ tiêu	Cấp đường	Hướng dẫn đánh giá
2.1. Đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	A	- Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m. - Chiều rộng nền đường tối thiểu 6,5m vùng đồng bằng; 6,0m vùng núi. - Kết cấu mặt đường điển hình: + BTXM M250 – 300 dày 18 – 20cm. + Đá dăm láng nhựa 2 lớp, tiêu chuẩn nhựa 3kg/m² dày 15cm.
	B	- Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m đối với vùng đồng bằng, 3,0m đối với vùng núi. - Chiều rộng nền đường tối thiểu 5,0m vùng đồng bằng; 4,0m vùng núi. - Kết cấu mặt đường điển hình: + BTXM $\geq$M250 dày 16 – 18cm. + Đá dăm láng nhựa 2 lớp, tiêu chuẩn nhựa 3kg/m² dày 15cm
2.2. Đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	B	Áp dụng theo đường cấp B của đường xã (2.1).
	C	- Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m đối với vùng đồng bằng, 2,0m đối với vùng núi. - Chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m vùng đồng bằng; 3,0m vùng núi.

		- Kết cấu mặt đường điển hình: + BTXM $\geq$ M200 dày 14 – 16cm. + Đá dăm láng nhựa 2 lớp, tiêu chuẩn nhựa 3kg/m ² dày 10cm
2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	D	- Chiều rộng mặt đường tối thiểu 1,5m. - Chiều rộng nền đường tối thiểu 2,0m. - Kết cấu mặt đường điển hình: BTXM $\geq$ M200 dày 10 – 14cm.
2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.		

II. Đối với tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:

1. Chỉ tiêu quy định:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng	
		Các xã ĐBKK, xã an toàn khu thuộc huyện Đakrông	Các xã còn lại
Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$
	2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản.	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm.	100% 100%
		Có các hạng mục cần thiết theo quy định: (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	$\geq 65\%$ $\geq 85\%$
	2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	$\geq 85\%$	$\geq 90\%$
	2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$

2. Phương pháp đánh giá:

Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Hướng dẫn đánh giá
2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	- Quy mô kỹ thuật áp dụng theo phương pháp đánh giá xã nông thôn mới. - Có hồ sơ quản lý, sửa chữa thường xuyên được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Hợp đồng thi công công tác bảo trì đường bộ; - Đối với các tuyến đường qua khu dân cư phải có rãnh thoát nước đảm bảo khả năng thoát nước tốt; - Biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc tuân thủ quy định quy chuẩn báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT. - Cây xanh (<i>đối với những đoạn có thể trồng được</i>), khoảng cách giữa các cây tùy thuộc loại cây nhưng đảm bảo mỹ quan. Cây phải trồng thẳng hàng, đảm bảo mỹ quan và không ảnh hưởng đến hành lang an toàn lưới điện.
2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm. Có các hạng mục cần thiết theo quy định: (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	
2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	
2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.	Áp dụng theo phương pháp đánh giá xã nông thôn mới. Khuyến khích trồng cây xanh đường trục chính nội đồng.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện và đánh giá về tiêu chí số 02 - Giao thông xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các địa phương, đơn vị có văn bản phản ánh về Sở GTVT để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- UBND các huyện, thị xã (t/h);
- Giám đốc Sở (b/c);
- VP điều phối NTM tỉnh;
- Lưu VT, KCHT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Hà